TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc N.

2. Ông Lê Văn N1.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 67/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1975;

Bị đơn: Bà Mai Thị Hồng T, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Ấp Cả Nổ, xã Tân Th, huyện M, tỉnh L.

Ông N vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N: Ông Nguyễn Văn N yêu cầu ly hôn với bà Mai Thị Hồng T; về con chung, có hai con chung tên là Nguyễn Văn S, sinh ngày 19/6/1991 và Nguyễn Thị R, sinh ngày 22/10/1992, con chung đã trưởng thành, ông N không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung ông N không yêu cầu giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bà Mai Thị Hồng T: Bà T vắng mặt và không có ý kiến.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do ông Nguyễn Văn N cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của ông N (photo); một trích lục kết hôn (bản sao); hai giấy khai sinh (bản sao).

Chứng cứ do bà Mai Thị Hồng T cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Ông N trình bày: Ông N và bà T tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới vào năm 1990 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Th, huyện M, tỉnh L. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Ông N xác định không còn tình cảm với bà T. Về con chung: Có hai con chung tên là Nguyễn Văn S, sinh ngày 19/6/1991 và Nguyễn Thị R, sinh ngày 22/10/1992, con chung đã trưởng thành, ông N không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Ông N đề nghị không công bố bản án trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:* Ông Nguyễn Văn N và bà Mai Thị Hồng T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Th, huyện M, tỉnh L và có giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông N khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt ông Nguyễn Văn N và bà Mai Thị Hồng T: Ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà Mai Thị Hồng T vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông N và bà T.

[3]. Về hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn N và bà Mai Thị Hồng T: Ông N trình bày về mâu thuẫn và tình trạng đã ly thân nhiều năm. Bà T vắng mặt không có ý kiến phản bác lời trình bày của ông N. Việc bà T vắng mặt thể hiện bà T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào lời trình bày của ông N thì hai bên không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và không sống chung với nhau. Điều này thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa ông N và bà T không còn, việc chung sống giữa ông N và bà T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do

đó, căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N đối với bà T.

[4]. Về con chung*:* Hai con chung tên là Nguyễn Văn S, sinh ngày 19/6/1991 và Nguyễn Thị R, sinh ngày 22/10/1992, con chung đã trưởng thành, ông N không yêu cầu giải quyết, bà T cũng không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông N không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung; bà T vắng mặt không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn N đối với bà Mai Thị Hồng T, cho ông N được ly hôn bà T.

Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không xem xét giải quyết về con chung trong vụ án này.

Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Buộc ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân- gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai số 0002883 ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, ông N đã nộp đủ án phí.

Căn cứ vào các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Ông Nguyễn Văn N và bà Mai Thị Hồng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND xã Tân Th, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Như Lê Văn những Nguyễn Thanh Liêm